

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 01/2019/DS-ST

Ngày: 28/02/2019

*“Về việc: Tranh chấp về
chia di sản thừa kế”.*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dương Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Viết Chấn

2. Bà Trần Thị Mỹ Nhung

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Hương, chức vụ: Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 28/02/2019 tại trụ sở Tòa án huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 08/2018/TLST-DS, ngày 15 tháng 01 năm 2018, về việc *“Tranh chấp chia di sản thừa kế”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-DS ngày 14/01/2019 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST-DS, ngày 31/01/2019 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị H, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Thôn 5, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. - *Có mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Ngọc C, sinh năm: 1979. Địa chỉ hiện nay: tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. - *Có mặt.*

- Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm: 1931. Địa chỉ: Phường 15, Quận T, Tp. Hồ Chí Minh. - *Vắng mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1967. Địa chỉ: Phường 15, Quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

Hiện trú tại: Số nhà 231 Tân S, phường 15, Quận T, Tp. Hồ Chí Minh. - *Vắng mặt.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2000;

Địa chỉ: Thôn 5, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. - *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

2. Cháu Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2002; - *Có mặt.*

3. Cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2004; - *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện, giám hộ cho các cháu Nguyễn Thị Thúy V, Nguyễn Đình T:
Chị Dương Thị H, sinh năm: 1980 (là mẹ đẻ). Địa chỉ: Thôn 5, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. - *Có mặt.*

4. Bà Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1967. Nơi thường trú: Phường 15, Quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

Hiện trú tại: Số nhà 231 Tân S, phường 15, Quận T, Tp. Hồ Chí Minh. - *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị H, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 06 tháng 7 năm 2018 của nguyên đơn chị Dương Thị H và quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn: ông Võ Ngọc C trình bày:*

Chị Dương Thị H và ông Nguyễn Đình Th, sinh năm: 1974 là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 18/7/1997 tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống, thì giữa chị H và ông Th có 03 người con chung là: cháu Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 12-4-2000; cháu Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 04-01-2002 và cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 02-02-2004.

Trong quá trình chung sống thì vào năm 2003 chị Dương Thị H và ông Nguyễn Đình Th có tạo lập được khối tài sản chung là Quyền sử dụng đất theo GCNQSDĐ số AC 936479, thửa đất số 02, tờ bản đồ số 13, diện tích 5.530m² (đất trồng cây lâu năm đến năm 2043), tọa lạc tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Được UBND huyện K cấp ngày 25 tháng 7 năm 2005 mang tên hộ ông Nguyễn Đình Th. Đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng lại (Đất được vợ chồng mua của ông Phan Xuân P và bà Mai Thị H có địa chỉ: Thôn 10, xã E, huyện K). Lô đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông /bà T-B; Phía Tây giáp đường đi và đất ông T; Phía Nam giáp đất ông/bà T2 – T3; Phía Bắc đất ông H. Sau khi mua diện tích đất trên thì vợ chồng chị H tiếp tục canh tác trồng cây cà phê và năm 2005 thì xây 01 căn nhà cấp 4, tường gạch, mái lợp tôn + công trình phụ khoảng 100m² và sinh sống ổn định mà không có tranh chấp với ai.

Ngày 27/9/2010, chồng chị Dương Thị H là ông Nguyễn Đình Th qua đời (chết do bệnh tật, bệnh ung thư gan) mà không để lại di chúc. Mẹ con chị H tiếp tục sử dụng nhà và đất này. Đến năm 2014 thì bà Nguyễn Thanh T1 là chị ruột của ông Nguyễn Đình Th đến tự ý chiếm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và dẫn mẹ ông Th là bà Trần Thị T đến thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Mặc dù chị H đã nhiều lần yêu cầu bà T và bà T1 về giải quyết di sản của ông Th để lại nhưng không nhận được sự hợp tác.

Do đó, chị Dương Thị H đã có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án yêu cầu Tòa án phân chia di sản của ông Nguyễn Đình Th (đã chết) gồm diện tích đất 5.530m^2 và tài sản trên đất (Đất theo GCNQSDĐ số AC 936479, thửa đất số 02, tờ bản đồ số 13, diện tích 5.530m^2 (đất trồng cây lâu năm đến năm 2043), tọa lạc tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Được UBND huyện K cấp ngày 25 tháng 7 năm 2005 mang tên hộ ông Nguyễn Đình Th) + Tài sản trên đất cho các đồng thừa kế của ông Nguyễn Đình Th gồm: chị Dương Thị H (là vợ); các cháu Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Thúy V, Nguyễn Đình T (là con của ông Th và chị H) và bà Trần Thị T (Là mẹ đẻ của ông Th).

Trong quá trình Tòa án giải quyết, vào ngày 29/01/2018 chị Dương Thị H đã trả cho bà Nguyễn Thanh T1 (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án) số tiền 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng) cả gốc và lãi mà chị Dương Thị H và ông Nguyễn Đình Th đã mượn của bà Nguyễn Thanh T1 vào ngày 19/1/2006 do chị Dương Thị H trực tiếp đứng ra mượn. Và bà Nguyễn Thanh T1 đã giao trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 936479, thửa đất số 02, tờ bản đồ số 13, diện tích 5.530m^2 (đất trồng cây lâu năm đến năm 2043), tọa lạc tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Được UBND huyện K cấp ngày 25 tháng 7 năm 2005 mang tên hộ ông Nguyễn Đình Th (bản gốc) cho chị Dương Thị H vào ngày 29/01/2018.

Sau đó, ngày 06 tháng 7 năm 2018 nguyên đơn chị Dương Thị H có đơn khởi kiện bổ sung. Cụ thể chị Dương Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu thực hiện các nghĩa vụ thanh toán liên quan đến ông Nguyễn Đình Th; đảm bảo thanh toán bằng di sản do ông Th để lại, cụ thể là:

1. Chi phí mai táng cho ông Nguyễn Đình Th: 30.000.000 đồng.

2. Tiền trợ cấp cho các con vị thành niên của ông Th chưa có khả năng lao động phải sống nương nhờ.

- Cháu Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 12-4-2000, tính từ ngày 27/9/2010 đến ngày 27-3-2018, mức trợ cấp là: $(89 \text{ tháng} \times 1.500.000 \text{ đồng}) : 2 = 66.750.000 \text{ đồng}$;

- Cháu Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 04-01-2002, tính từ ngày 27/9/2010 đến ngày 27/12/2020, mức trợ cấp là: $(111 \text{ tháng} \times 1.500.000 \text{ đồng}) : 2 = 83.250.000 \text{ đồng}$;

- Cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 02-02-2004, tính từ ngày 27/9/2010 đến ngày 27/01/2022, mức trợ cấp là: $(136 \text{ tháng} \times 1.500.000 \text{ đồng}) : 2 = 102.000.000 \text{ đồng}$;

Tổng cộng số tiền trợ cấp cho các con ông Th là: 252.000.000 đồng

3. Số tiền nợ chung là $\frac{1}{2}$ số tiền nợ bà Nguyễn Thanh T1 (chị gái ông Th), trú tại: 231 Tân S, phường 15, Quận T, Tp. Hồ Chí Minh. Cả gốc lẫn lãi là: 28.000.000 đồng : 2 = 14.000.000 đồng. Số tiền này đã được chị H trả cho bà T1 vào ngày 29-01-2018.

Tổng cộng: Yêu cầu phải thanh toán cho chị Dương Thị H các khoản (trích ra từ di sản của ông Th để lại trong vụ kiện) trước khi thực hiện việc phân chia di sản của ông Th cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật là 266.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn chị Dương Thị H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền mai táng phí của ông Nguyễn Đình Th là 30.000.000 đồng và tiền trợ cấp cho các con vị thành niên của ông Th, chưa có khả năng lao động phải sống nương nhờ sau khi ông Th chết là 252.000.000 đồng. Nguyên đơn chị Dương Thị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nữa. Đối với các yêu cầu khởi kiện còn lại phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên. Và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết việc chia thừa kế trên theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra phía nguyên đơn chị Dương Thị H không có ý kiến gì thêm khác.

Ý kiến của nguyên đơn chị Dương Thị H: Nhất trí như lời trình bày của ông Võ Ngọc C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vừa nêu là tôi xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền mai táng phí của chồng tôi ông Nguyễn Đình Th là 30.000.000 đồng và số tiền 252.000.000 đồng là tổng tiền trợ cấp cho các con vị thành niên của ông Th, chưa có khả năng lao động phải sống nương nhờ sau khi ông Th chết. Còn lại các yêu cầu khởi kiện khác tôi vẫn giữ nguyên là đối với yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ chung của ông Th và chia di sản thừa kế của ông Th sau khi ông Th chết. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại bản tự khai ngày 29 tháng 01 năm 2018 của bà Nguyễn Thanh T1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị T, bà Nguyễn Thanh T1 khai:* “Nay ông Nguyễn Đình Th (đã chết), nay bà Dương Thị H đòi phân chia di sản của ông Nguyễn Đình Th cho các đồng thừa kế của ông Nguyễn Đình Th thì bản thân bà Trần Thị T có nguyện vọng như sau:

Năm nay bà Trần Thị T đã 86 tuổi, đã già và sức khỏe rất yếu, ốm đau bệnh tật thường xuyên nên nguyện vọng của bà là để lại căn nhà trên không mua bán, chuyển nhượng, chia di sản gì cả. Đó là nơi nương tựa quãng đời còn lại của bà, cũng là nơi thờ cúng cho chồng của bà và con trai của bà và là nơi làm ăn yên ổn cho các cháu sau này.

Còn trường hợp con dâu bà bất hiếu đòi phân chia tài sản cũng như là đuổi bà ra khỏi nhà. Vậy thì tôi không biết làm sao chỉ kính mong Tòa án nhân dân và các cơ quan có thẩm quyền xử lý phân chia di sản theo đúng pháp luật và đề nghị định giá tài sản trên cho đúng pháp luật”. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

** Tại bản tự khai ngày 25 tháng 01 năm 2018 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thanh T1 khai:*

Vào ngày 28/12/2017 bà Dương Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế giữa bà Dương Thị H và bà Trần Thị T và những người có liên quan là Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Thúy V, Nguyễn Đình T (03 cháu) và tôi là Nguyễn Thanh T1. Theo nội dung khởi kiện bà Dương Thị H cho rằng đến năm 2014 tôi là Nguyễn Thanh T1 là chị ruột của ông Nguyễn Đình Th đến tự ý chiếm giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và dẫn mẹ ông Th là bà Trần Thị T lên Tp. Hồ Chí Minh sinh sống và nói rằng nhiều lần yêu cầu bà T, bà T1 về giải

quyết di sản của ông Th nhưng không được sự hợp tác. Nội dung cho rằng của bà H nêu trên là hoàn toàn sai sự thật và vu khống.

Ngày 19/1/2006 bà H có điện mượn của tôi số tiền là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng chẵn) và đưa tôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên để làm tin và cho đến nay bà H vẫn chưa trả tôi số tiền trên.

Còn khi chồng bà H chết, bà H bỏ mặc mẹ chồng đói rét, không chăm nuôi nên ốm đau bệnh tật. Do vậy tôi phải đưa bà xuống Tp. Hồ Chí Minh cùng chị gái tôi chăm nuôi bà.

Và từ khi chồng bà H chết chưa một lần nào bà H điện hoặc xuống tôi để yêu cầu chia di sản thừa kế. Còn việc chia di sản thừa kế tôi không có ý kiến gì và đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bà H nợ tiền tôi chứ tôi không có tự ý chiếm giữ giấy chứng nhận nêu trên. Vì bà mượn tiền và thế chấp giấy chứng nhận trên để làm tin. Nay tôi yêu cầu bà trả tôi số tiền đã mượn và phải trả lãi suất theo thỏa thuận ban đầu thì tôi sẽ trả lại giấy chứng nhận trên cho bà H. Ngoài ra bà Nguyễn Thanh T1 không có ý kiến gì thêm.

** Tại bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các cháu Nguyễn Thị Ngọc M, cháu Nguyễn Thị Thúy V và cháu Nguyễn Đình T tại Tòa án thể hiện:* Điều nhất trí, đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị H.

Ông Nguyễn Đình Th và bà Dương Thị H là bố mẹ của chúng tôi. Ngày 27-9-2010 bố chúng tôi là ông Nguyễn Đình Th chết (chết do bị ung thư gan). Khi chết bố không để lại di chúc. Từ đó cho đến nay mẹ chúng tôi là bà Dương Thị H và các anh chị em chúng tôi sống ở trong căn nhà và đất nêu trên, ngoài ra không có chỗ ở nào khác. Mẹ chúng tôi vẫn tiếp tục nuôi chúng tôi ăn học. Nay mẹ chúng tôi (bà Dương Thị H) yêu cầu chia thừa kế thì chúng tôi đồng ý và nhường phần mà chúng tôi được hưởng từ bố chúng tôi là ông Nguyễn Đình Th trong khối tài sản nêu trên để gộp vào phần của mẹ chúng tôi để mẹ chúng tôi tiếp tục làm nơi ở chung cho cả nhà, thờ tự bố chúng tôi và nuôi anh, chị em chúng tôi ăn học. Ngoài ra cũng đề nghị Tòa án xem xét hỗ trợ phần nào từ di sản trên của bố chúng tôi để phụ mẹ chúng tôi tiếp tục cho việc nuôi dưỡng và học hành của chúng tôi cho đến khi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

** Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã xác định:* Diện tích đất theo giấy CNQSDĐ số AC 936479, thửa đất số 02, tờ bản đồ số 13, diện tích 5.530m² (đất trồng cây lâu năm đến năm 2043), tọa lạc tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Được UBND huyện K cấp ngày 25 tháng 7 năm 2005 mang tên hộ ông Nguyễn Đình Th đất có diện tích thực tế là 5.530m².

Tài sản trên diện tích đất tranh chấp có: 01 căn nhà xây cấp 4 được xây vào năm 2005 có diện tích 93,75m²; 01 nhà vệ sinh (được xây năm 2017) có diện tích 5,28m²; 01 sân bê tông được xây vào năm 2012 có diện tích 76,25m²; 01 mái che được làm năm 2016 có diện tích 22,5m²; 01 chuồng heo (hiện được dùng nuôi bò)

được xây dựng năm 2013 có diện tích 30m^2 ; 01 giếng đào (làm năm 2005) có đường kính 01m, sâu 09m; 01 giếng khoan (khoan năm 2012) có đường kính ống nhỏ hơn 200mm, sâu 50m; 01 tường rào thép lưới B40 (làm năm 2017) có tổng chiều dài 168m; 01 tường rào gạch ống không tô trát được xây vào năm 2018 có tổng chiều dài 82,6m.

Cây trồng trên đất có: 01 cây sưa trồng năm 2016; 02 cây điều trồng năm 2005; 02 cây sầu riêng trồng năm 2015; 02 cây bơ trồng năm 2015; 01 bụi chuối; 01 cây chanh kinh doanh năm thứ 3; 02 cây vải trồng năm 2017; 01 cây quýt kinh doanh năm thứ hai; 02 cây đinh lăng chăm sóc năm thứ nhất; 04 sào bắp.

Cùng ngày, Hội đồng định giá cũng đã tiến hành định giá đối với tài sản trên. Cụ thể:

- Căn nhà xây cấp 4 mái lợp tôn nền láng xi măng có diện tích $93,75\text{m}^2$ xây dựng năm 2005 có giá: $93,75\text{m}^2 \times 3.060.000 \text{ đồng} \times 0,898 = 257.614.000 \text{ đồng}$. Giá trị còn sử dụng của nhà là 30%. Nên giá trị sử dụng còn lại là: $257.614.000 \text{ đồng} \times 30\% = 77.284.000 \text{ đồng}$ (Bảy mươi bảy triệu hai trăm tám mươi tư nghìn đồng).

- 01 nhà vệ sinh móng xây gạch ống, vữa mác 50, tường xây gạch ống dày 10cm được xây năm 2017 có diện tích $2,4\text{m} \times 2,2\text{m} = 5,28\text{m}^2$ có giá là: $5,28\text{m}^2 \times 2.476.000 \text{ đồng/m}^2 = 13.073.0000 \text{ đồng}$. Giá trị sử dụng còn lại là 75% có giá là: $13.073.0000 \text{ đồng} \times 75\% = 9.805.000 \text{ đồng}$ (Chín triệu tám trăm lẻ năm nghìn đồng);

- 01 chuồng heo (hiện được dùng nuôi bò) được xây dựng năm 2013 có diện tích 30m^2 có giá là: $30\text{m}^2 \times 796.600 \text{ đồng} = 23.898.000 \text{ đồng}$, giá trị còn sử dụng là 50% = $23.898.000 \text{ đồng} \times 50\% = 11.949.000 \text{ đồng}$ (Mười một triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

- 01 sân bê tông được xây vào năm 2012 có diện tích $76,25\text{m}^2$ có giá là: $76,25\text{m}^2 \times 172.000 \text{ đồng/m}^2 = 13.115.000 \text{ đồng}$, giá trị còn sử dụng được là 50%. Có giá là: $13.115.000 \text{ đồng} \times 50\% = 6.558.000 \text{ đồng}$ (Sáu triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng).

- 01 giếng đào (làm năm 2005) có đường kính 01m, sâu 09m có giá là 5.949.000 đồng, giá trị còn sử dụng là 30% có giá là: $5.949.000 \text{ đồng} \times 30\% = 1.785.000 \text{ đồng}$ (Một triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

- 01 giếng khoan (khoan năm 2012) có đường kính ống nhỏ hơn 200mm, sâu 50m có giá là: $50\text{m} \times 586.000 \text{ đồng/m} = 29.300.000 \text{ đồng}$, giá trị còn sử dụng là 50% có giá là: $29.300.000 \text{ đồng} \times 50\% = 14.650.000 \text{ đồng}$ (Mười bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

- 01 mái che khung thép hình, cột thép tròn $Q=50\text{mm}$, mái lợp tôn thiếc (được làm năm 2016) có diện tích $22,5\text{m}^2$ có giá $22,5\text{m}^2 \times 369.900 \text{ đồng/m}^2 = 8.323.000 \text{ đồng}$, giá trị còn sử dụng là 50% có giá là: $8.323.000 \text{ đồng} \times 50\% = 4.161.000 \text{ đồng}$ (Bốn triệu một trăm sáu mươi một nghìn đồng).

- 01 tường rào thép lưới B40 (làm năm 2017) có tổng chiều dài 168m có giá là: $168\text{m} \times 602.000 \text{ đồng/m} = 101.136.000 \text{ đồng}$, giá trị còn sử dụng được là 50% có

giá là: $101.136.000 \text{ đồng} \times 50\% = 50.568.000 \text{ đồng}$ (Năm mươi triệu năm trăm sáu tám nghìn đồng).

- 01 tường rào gạch ống không tô trát được xây vào năm 2018 có tổng chiều dài 82,6m có giá $82,6\text{m} \times 195.000 \text{ đồng/m} = 16.107.000 \text{ đồng}$, giá trị còn sử dụng được là 100% có giá là: $16.107.000 \text{ đồng} \times 100\% = 16.107.000 \text{ đồng}$ (Mười sáu triệu một trăm lẻ bảy nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản và kiến trúc trên đất là: $77.284.000 \text{ đồng} + 9.805.000 \text{ đồng} + 11.949.000 \text{ đồng} + 6.558.000 \text{ đồng} + 1.785.000 \text{ đồng} + 14.650.000 \text{ đồng} + 4.161.000 \text{ đồng} + 50.568.000 \text{ đồng} + 16.107.000 \text{ đồng} = 192.867.000 \text{ đồng}$ (Một trăm chín mươi hai triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Cây trồng trên đất có:

- 01 cây sưa trồng năm 2016 (năm thứ ba) có giá là: 44.900 đồng;
- 02 cây điều trồng năm 2005 (kinh doanh năm thứ 3 trở đi - Loại B) có giá là: $598.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ cây} = 1.196.000 \text{ đồng}$;
- 02 cây sầu riêng trồng năm 2015 (năm thứ 2 - Loại B) có giá là: $259.100 \text{ đồng} \times 2 \text{ cây} = 518.200 \text{ đồng}$;
- 02 cây bơ trồng năm 2015 (chăm sóc năm thứ 3 trở lên) có giá là: $310.700 \text{ đồng/cây} \times 2 \text{ cây} = 621.400 \text{ đồng}$;
- 01 bụi chuối có giá là 70.000 đồng;
- 01 cây chanh kinh doanh năm thứ 3 trở lên có giá là 168.500 đồng;
- 02 cây vải trồng năm 2017 (chăm sóc năm thứ hai - Loại B) có giá là: $242.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ cây} = 484.000 \text{ đồng}$;
- 01 cây quất kinh doanh năm thứ hai trở lên có giá là 98.600 đồng;
- 02 cây đinh lăng chăm sóc năm thứ nhất có giá là $29.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ cây} = 58.000 \text{ đồng}$;
- 04 sào bắp (4.000m^2) có sản lượng $5,5 \text{ tạ}/1.000\text{m}^2 = 5,5 \text{ tạ}/1.000\text{m}^2 \times 4.000\text{m}^2 = 2,2 \text{ tấn}$. Giá trị 1 tấn là 6.000.000 đồng/tấn. Thành tiền là: $2,2 \text{ tấn} \times 6.000.000 \text{ đồng/tấn} = 13.200.000 \text{ đồng}$ (Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Tổng giá trị cây trên đất là: $44.900 \text{ đồng} + 1.196.000 \text{ đồng} + 518.200 \text{ đồng} + 621.400 \text{ đồng} + 70.000 \text{ đồng} + 168.500 \text{ đồng} + 484.000 \text{ đồng} + 98.600 \text{ đồng} + 58.000 \text{ đồng} + 13.200.000 \text{ đồng} = 16.459.600 \text{ đồng}$.

Giá trị đất:

- Đối với diện tích đất 5.530m^2 (đất trồng cây lâu năm - vị trí thứ ba theo khung giá Nhà nước quy định tại Quyết định 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk) thì diện tích đất 5.530m^2 có giá là: $5.530\text{m}^2 \times 24.000 \text{ đồng/m}^2 = 132.720.000 \text{ đồng}$ (Một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

- Theo giá thị trường tại địa phương có giá $40.000.000 \text{ đồng}/1.000\text{m}^2 \times 5.530\text{m}^2 = 221.200.000 \text{ đồng}$ (Hai trăm hai mươi một triệu hai trăm nghìn đồng).

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất theo giá Nhà nước là: 192.867.000 đồng + 16.459.600 đồng + 132.720.000 đồng = 342.046.600 đồng (Ba trăm bốn mươi hai triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm đồng).

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất theo giá thị trường là: 192.867.000 đồng + 16.459.600 đồng + 221.200.000 đồng = 430.526.600 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm đồng).

Hội đồng định giá đã kết luận giá trị đất và tài sản trên đất có tổng trị giá là 430.526.600 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cho các đương sự làm bản tự khai, hoà giải để các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, các đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án tiến hành thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật và căn cứ Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Dương Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ chung của ông Nguyễn Đình Th (đã chết) và chia di sản thừa kế của ông Th sau khi ông Th chết. Đề nghị Hội đồng xét xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật; đối với yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu thanh toán số tiền 30.000.000 đồng là tiền mai táng phí của ông Th và số tiền 252.000.000 đồng đối với yêu cầu tiền trợ cấp cho các con vị thành niên của ông Th, chưa có khả năng lao động phải sống nương nhờ thì nguyên đơn chị Dương Thị H xin rút yêu cầu khởi kiện đối với hai yêu cầu này nên không đề cập giải quyết nữa; Đối với các tài sản được nguyên đơn chị Dương Thị H cùng các con tạo dựng sau thời điểm ông Nguyễn Đình Th chết ngày 27/9/2010 là tài sản riêng của mẹ con chị H thì đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Nguyên đơn chị Dương Thị H nhất trí như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vừa nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật về thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ chung của ông Nguyễn Đình Th (đã chết) và chia di sản thừa kế của ông Th sau khi ông Th chết. Ngoài ra chị H không có ý kiến gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Thị Thúy V tại phiên tòa vẫn xin nhường kỹ phần thừa kế của mình cho mẹ là bà Dương Thị H và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện tương đối đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị T và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị T là bà Nguyễn Thanh T1 đồng thời bà Nguyễn Thanh T1 là người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt là vi phạm Điều 70, 72, 73, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- *Về nội dung:* Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 615, Điều 651, Điều 658 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167 và Điều 179 Luật đất đai năm 2013;

Chấp nhận một phần yêu cầu chia di sản thừa kế và thực hiện nghĩa vụ thanh toán của nguyên đơn chị Dương Thị H.

- Giao cho chị Dương Thị H được quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt diện tích 5.530m² (đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 02, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Được UBND huyện K cấp ngày 25 tháng 7 năm 2005 mang tên hộ ông Nguyễn Đình Th đất có diện tích thực tế là 5530m² và các tài sản trên đất có trị giá là 430.526.600 đồng. (Có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông/bà T - B; Phía Tây giáp đường đi và đất ông T; Phía Nam giáp đất ông/bà T2 - T3; Phía Bắc đất ông H).

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị H về việc yêu cầu thanh toán số tiền mai táng phí và tiền trợ cấp cho các con của ông Th.

- Chị Dương Thị H có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị T số tiền là 27.346.500 đồng (Hai mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm đồng) là kỷ phần thừa kế mà bà Trần Thị T được thừa hưởng của ông Nguyễn Đình Th để lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp về chia di sản thừa kế” theo khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Về thời hiệu khởi kiện: Ông Nguyễn Đình Th chết ngày 27-9-2010 (chết do bị ung thư gan). Khi chết không để lại di chúc. Ngày 28/12/2017, nguyên đơn chị Dương Thị H nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình Th nên theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật dân sự 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn còn trong thời hiệu khởi kiện.

- Về sự tham gia của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt trong đó có cháu Nguyễn Thị Ngọc M đã có đơn xin giải quyết vắng mặt và đương sự bà Trần Thị T (bị đơn), bà Nguyễn Thanh T1 (là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị T đồng thời bà Nguyễn Thanh T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố

tụng dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[2] Về các tài sản nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế:

Đối với diện tích đất 5.530m² (đất trồng cây lâu năm đến năm 2043) theo GCNQSDĐ số AC 936479, thửa đất số 02, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Được UBND huyện K cấp ngày 25 tháng 7 năm 2005 mang tên hộ ông Nguyễn Đình Th. Đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng lại (Đất được vợ chồng mua của ông Phan Xuân P và bà Mai Thị H có địa chỉ: Thôn 10, xã E, huyện K). Tài sản này được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Nguyễn Đình Th và chị Dương Thị H thì đây là tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngày 27/9/2010, chồng chị Dương Thị H là ông Nguyễn Đình Th qua đời (chết do bệnh tật) mà không để lại di chúc. Do đó xác định Quyền sử dụng đất trên chị Dương Thị H được hưởng ½, còn lại ½ là di sản chia thừa kế của ông Nguyễn Đình Th.

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã xác định: Diện tích đất theo giấy CNQSDĐ số AC 936479, thửa đất số 02, tờ bản đồ số 13, diện tích 5.530m² (đất trồng cây lâu năm đến năm 2043), tọa lạc tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Được UBND huyện K cấp ngày 25 tháng 7 năm 2005 mang tên hộ ông Nguyễn Đình Th, đất có diện tích thực tế là 5.530m².

Tài sản trên diện tích đất tranh chấp có: 01 căn nhà xây cấp 4 được xây vào năm 2005 có diện tích 93,75m²; 01 nhà vệ sinh (được xây năm 2017) có diện tích 5,28m²; 01 sân bê tông được xây vào năm 2012 có diện tích 76,25m²; 01 mái che được làm năm 2016 có diện tích 22,5m²; 01 chuồng heo (hiện được dùng nuôi bò) được xây dựng năm 2013 có diện tích 30m²; 01 giếng đào (làm năm 2005) có đường kính 01m, sâu 09m; 01 giếng khoan (khoan năm 2012) có đường kính ống nhỏ hơn 200mm, sâu 50m; 01 tường rào thép lưới B40 (làm năm 2017) có tổng chiều dài 168m; 01 tường rào gạch ống không tô trát được xây vào năm 2018 có tổng chiều dài 82,6m; Cây trồng trên đất có: 01 cây sưa trồng năm 2016; 02 cây điều trồng năm 2005; 02 cây sầu riêng trồng năm 2015; 02 cây bơ trồng năm 2015; 01 bụi chuối; 01 cây chanh kinh doanh năm thứ 3; 02 cây vải trồng năm 2017; 01 cây quất kinh doanh năm thứ hai; 02 cây đinh lăng chăm sóc năm thứ nhất; 04 sào bắp.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 23 tháng 4 năm 2018 thì diện tích đất 5530m² + tài sản trên đất có tổng trị giá là 430.526.600 đồng.

Tuy nhiên, ông Nguyễn Đình Th chết ngày 27/9/2010 nên các tài sản trên đất được chị Dương Thị H tạo dựng sau thời điểm ông Th chết ngày 27/9/2010 thuộc quyền sở hữu của chị H nên cần phải khấu trừ các tài sản được tạo dựng sau. Và thực tế chị H, ông Th đã tạo dựng được khối tài sản chung là:

- Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 13, diện tích 5.530m² (đất trồng cây lâu năm đến năm 2043), tọa lạc tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Được UBND huyện K cấp

ngày 25 tháng 7 năm 2005 mang tên hộ ông Nguyễn Đình Th. Diện tích đất 5.530m² có trị giá là 221.200.000 đồng;

- Giá trị nhà vật kiến trúc gắn liền với đất và cây trồng trên đất (gồm nhà cấp 4 xây năm 2005 có diện tích 93,75m² + 01 giếng đào năm 2005 + 02 cây điều trồng năm 2005) có trị giá là: 77.284.000 đồng + 1.785.000 đồng + 1.196.000 đồng/2 cây = 80.265.000 đồng;

Tổng cộng tài sản chung là: 221.200.000 đồng + 80.265.000 đồng = 301.465.000 đồng.

Ông Nguyễn Đình Th chết vào ngày 27/9/2010, nên các tài sản khác còn lại đã được chị Dương Thị H tạo dựng sau thời điểm ông Th chết có trị giá là 129.061.600 đồng là tài sản riêng của chị H vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Như vậy tài sản chung giữa chị H và ông Th đã tạo dựng có trị giá là 301.465.000 đồng. Tài sản này được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Th và chị H thì xác định đây là tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngày 27/9/2010, chồng chị Dương Thị H là ông Nguyễn Đình Th qua đời (chết do bệnh tật) mà không để lại di chúc. Do đó xác định tài sản chung trên chị Dương Thị H được hưởng $\frac{1}{2}$ tương ứng với 301.465.000 x $\frac{1}{2}$ = 150.732.500 đồng. Còn lại 150.732.500 đồng là di sản chia thừa kế của ông Nguyễn Đình Th.

Về nợ chung: Đối với khoản nợ chung giữa chị Dương Thị H, ông Nguyễn Đình Th với bà Nguyễn Thanh T1 với số tiền 28.000.000 đồng (cả gốc và lãi). Số tiền này đã được chị Dương Thị H thanh toán cho bà Nguyễn Thanh T1 vào ngày 29/01/2018 (có biên bản giao nhận tiền). Do đó cần khấu trừ số tiền chị H đã trả nợ cho bà Nguyễn Thanh T1 trong phần di sản của ông Th cho chị H trước khi chia di sản cho những người thừa kế.

Về cách phân chia: Chị Dương Thị H được hưởng 50% giá trị chia tài sản chung của vợ chồng.

Đối với phần di sản của ông Nguyễn Đình Th để lại chia thừa kế thì ưu tiên thanh toán khoản nợ chung giữa chị H và ông Th cho bà T1. Số tiền còn lại chia cho 5 đồng thừa kế là bà H, bà T, cháu M, cháu V và cháu T mỗi người giá trị ngang nhau. Giao toàn bộ tài sản trên cho chị Dương Thị H sở hữu, sử dụng. Chị H có trách nhiệm thanh toán bằng tiền cho bà T, cháu M, cháu V, cháu T.

Như vậy, số tiền 150.732.500 đồng là di sản chia thừa kế của ông Nguyễn Đình Th và được khấu trừ 14.000.000 đồng là tiền nợ chung (trong tổng số tiền 28.000.000 đồng mà chị H đã trả cho bà Nguyễn Thanh T1). Thì số tiền còn lại chia di sản thừa kế là: 136.732.500 đồng (tương ứng: 150.732.500 đồng - 14.000.000 đồng = 136.732.500 đồng).

[3] Về diện thừa kế và kỹ phân:

Ông Nguyễn Đình Th chết ngày 27-9-2010 (chết do bị ung thư gan). Khi chết không để lại di chúc nên di sản được phân chia theo pháp luật, hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Đình Th gồm 05 người là: chị Dương Thị H (là vợ); bà Trần Thị T

(là mẹ); cháu Nguyễn Thị Ngọc M, cháu Nguyễn Thị Thúy V và cháu Nguyễn Đình T (là 03 con chung giữa ông Nguyễn Đình Th và chị Dương Thị H). Như vậy, diện thừa kế thuộc hàng thứ nhất của ông Nguyễn Đình Th có 5 phần. Trị giá mỗi kỷ phần là 136.732.500 đồng : 5 = 27.346.500 đồng (Hai mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

[4] Tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu thanh toán số tiền 30.000.000 đồng là tiền mai táng phí của ông Th và số tiền 252.000.000 đồng đối với yêu cầu tiền trợ cấp cho các con vị thành niên của ông Th, chưa có khả năng lao động phải sống nương nhờ. Xét việc tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn chị Dương Thị H là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và không vi phạm điều cấm của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244, Điều 217, Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị H về việc yêu cầu thanh toán tiền mai táng phí và tiền trợ cấp cho các con vị thành niên của ông Th, chưa có khả năng lao động phải sống nương nhờ .

Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị H về việc chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình Th (đã chết) để lại. Cụ thể là phân chia thừa đất số 02, diện tích 5.530m² có giá trị 221.200.000 đồng, nhà và cây trồng gắn liền với thửa đất số 02 có giá trị là 80.265.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 301.465.000 đồng.

- Chị Dương Thị H được hưởng 50% giá trị tài sản chung của vợ chồng là 150.732.500 đồng.

- 50% giá trị tài sản còn lại là 150.732.500 đồng là phần di sản của ông Nguyễn Đình Th để lại thì ưu tiên thanh toán ½ khoản tiền nợ của bà Nguyễn Thanh T1 với số tiền là 14.000.000 đồng (trong tổng số nợ gốc và lãi của chị H và ông Th là 28.000.000 đồng). Giá trị di sản còn lại là 136.732.500 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng) chia cho 05 người thừa kế gồm: chị Dương Thị H (là vợ); bà Trần Thị T (là mẹ); cháu Nguyễn Thị Ngọc M, cháu Nguyễn Thị Thúy V và cháu Nguyễn Đình T (là 03 con chung giữa ông Nguyễn Đình Th và chị Dương Thị H), mỗi phần là 27.346.500 đồng.

Quá trình làm việc tại Tòa án các cháu Nguyễn Thị Ngọc M, cháu Nguyễn Thị Thúy V và cháu Nguyễn Đình T có nguyện vọng nhường kỷ phần thừa kế được hưởng của mình cho chị Dương Thị H (là mẹ đẻ) nên chị Dương Thị H được hưởng phần di sản là: 27.346.500 đồng x 3 = 82.039.500 đồng. Như vậy, phần chị Dương Thị H được hưởng có tổng trị giá là 109.386.000 đồng.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: khi ông Nguyễn Đình Th còn sống thì giữa ông Th và chị H (vợ ông Th) chỉ tạo dựng được diện tích đất 5.530m² nêu trên ngoài ra vợ chồng không tạo dựng được khối tài sản nào khác. Sau khi ông Th chết thì chị Dương Thị H cùng các con là người trực tiếp ở, quản lý, sinh sống và canh tác trên diện tích đất này. Vì vậy, để tạo điều kiện cho nguyên đơn có tư liệu sản xuất, canh tác và đảm bảo cuộc sống nên giao toàn bộ quyền sở hữu diện tích đất cho

nguyên đơn sử dụng. Nhưng nguyên đơn có trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị cho bị đơn bà Trần Thị T với số tiền là 27.346.500 đồng.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị Dương Thị H đã giao nộp số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho việc chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Các chi phí này đã được Tòa án chi phí xong. Tại phiên tòa, chị Dương Thị H tự nguyện chịu các khoản chi phí trên và không yêu cầu bị đơn cùng chịu chi phí này.

[6] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí giá ngạch tài sản đối với trị giá phần di sản được hưởng. Cụ thể:

- Chị Dương Thị H phải nộp số tiền 1.367.325 đồng án phí dân sự sơ thẩm (theo mức 27.346.500 đồng x 5% = 1.367.325 đồng).

Số tiền này được khấu trừ vào số tiền 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Dương Thị H đã nộp (do ông Võ Ngọc C nộp thay) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001543 ngày 28/12/2017 và số tiền 6.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Dương Thị H đã nộp (do bà Võ Thị H nộp thay) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005221 ngày 16/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc.

Chị Dương Thị H được nhận lại số tiền 6.232.675 đồng (Sáu triệu hai trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc;

- Bà Trần Thị T là người cao tuổi và các cháu Nguyễn Thị Thúy V, cháu Nguyễn Đình T là trẻ em nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật;

- Cháu Nguyễn Thị Ngọc M phải nộp số tiền 1.367.325 đồng án phí dân sự sơ thẩm (tương ứng với số tiền 27.346.500 đồng x 5% = 1.367.325 đồng);

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 615, Điều 651, Điều 658 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167 và Điều 179 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 24, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu Chia di sản thừa kế và thực hiện nghĩa vụ thanh toán của nguyên đơn chị Dương Thị H.

1. Giao cho chị Dương Thị H được quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt diện tích 5.530m² (đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 02, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Được UBND huyện K cấp ngày 25 tháng 7 năm 2005 mang tên hộ ông Nguyễn Đình Th đất có diện tích thực tế là 5530m² và tài sản trên đất. Có

từ cận: Phía Đông giáp đất ông/bà T - B; Phía Tây giáp đường đi và đất ông T; Phía Nam giáp đất ông/bà T2 - T3; Phía Bắc đất ông H.

Chị Dương Thị H có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị T số tiền là 27.346.500 đồng (Hai mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm đồng) là kỷ phần thừa kế mà bà Trần Thị T được thừa hưởng của ông Nguyễn Đình Th để lại.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị H về việc yêu cầu thanh toán tiền mai táng phí và tiền trợ cấp cho các con vị thành niên của ông Th, chưa có khả năng lao động phải sống nương nhờ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị Dương Thị H đã giao nộp số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho việc chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Các chi phí này đã được Tòa án chi phí xong. Tại phiên tòa, chị Dương Thị H tự nguyện chịu các khoản chi phí trên và không yêu cầu bị đơn cùng chịu chi phí này.

4. Về án phí:

- Chị Dương Thị H phải nộp số tiền 1.367.325 đồng án phí dân sự sơ thẩm (theo mức 27.346.500 đồng x 5% = 1.367.325 đồng).

Số tiền này được khấu trừ vào số tiền 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Dương Thị H đã nộp (do ông Võ Ngọc C nộp thay) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001543 ngày 28/12/2017 và số tiền 6.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Dương Thị H đã nộp (do bà Võ Thị H nộp thay) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005221 ngày 16/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Không Pắc.

Chị Dương Thị H được nhận lại số tiền 6.232.675 đồng (Sáu triệu hai trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Không Pắc;

- Bà Trần Thị T là người cao tuổi và các cháu Nguyễn Thị Thúy V, cháu Nguyễn Đình T là trẻ em nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật;

- Cháu Nguyễn Thị Ngọc M phải nộp số tiền 1.367.325 đồng án phí dân sự sơ thẩm (tương ứng với số tiền 27.346.500 đồng x 5% = 1.367.325 đồng);

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Dương Thanh